

DANH TĂNG THỜI ĐÌNH - TIỀN LÊ TRONG CÔNG CUỘC GIÀNH ĐỘC LẬP, TỰ CHỦ CHO DÂN TỘC

NGÔ THỊ BÍCH^(*)

Trong cuốn “Tiểu sử danh tăng Việt Nam”, cư sĩ Võ Đình Cường - Trưởng ban Văn hóa Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam viết: “Phật giáo Việt Nam cùng với vận mệnh đất nước đã trải qua bao thăng trầm của lịch sử. Nếu như thời nào cũng có anh hùng thì Phật giáo giai đoạn nào cũng có danh tăng dựng Đạo giúp Nước. Đó là những tấm gương góp phần tạo nên lịch sử... Công lao của các bậc cao Tăng tiền bối, những danh tăng hộ quốc kiên trì giữ đạo, tịnh tiến tu hành... là những người có nhân cách, chí hướng, tư tưởng cho chúng ta học tập, noi gương”⁽¹⁾.

Trong mỗi giai đoạn lịch sử, Phật giáo luôn song hành với lịch sử dân tộc. Các danh tăng đã có những đóng góp trong một số lĩnh vực của đời sống như kinh tế, văn hóa, xã hội. Có thể thấy rằng, nếu so sánh giữa các thời đại, thì vai trò của các danh tăng thời Lý - Trần được thể hiện trong việc cố vấn chính trị, quân sự, chính sách đối nội, đối ngoại... tham gia vào các công việc nhiếp chính, giúp các triều đại phong kiến đạt được nhiều thành tựu rực rỡ. Tuy nhiên, để có được những thành tựu đó, phải bắt nguồn từ truyền thống của Phật giáo thời Đinh - Tiền Lê. Các danh tăng thời Đinh - Tiền Lê là những người đi đầu và khởi xướng cho truyền thống nhập thế của Phật giáo, giúp các vua lựa chọn được một ý thức hệ

dân tộc độc lập. Chính vì vậy, có thể nói rằng, danh tăng thời Đinh - Tiền Lê là những bậc đức cao, vọng trọng, uyên thâm đạo mầu, là những nhà chính trị, quân sự, đối nội, đối ngoại tài tình, góp phần tạo nên những thành công cho các vương triều thời kỳ này, tạo thành khối đoàn kết dân tộc, chống thù trong, giặc ngoài, giữ yên đất nước...

Năm 938, Ngô Quyền chiến thắng quân Nam Hán trên sông Bạch Đằng, mở ra một thời kỳ mới cho dân tộc - thời kỳ độc lập, tự chủ và chấm dứt một nghìn năm Bắc thuộc. Thời Ngô, Đinh - Tiền Lê, Phật giáo chiếm vị trí độc tôn. “Bấy giờ Nho, Đạo đã truyền vào Việt Nam, nhưng ảnh hưởng giáo lý không phổ cập trong nhân gian bằng Phật giáo. Nước nhà được độc lập, nhưng còn non trẻ, nhà vua phải tìm điểm tựa vững chắc về ý thức hệ, một công cụ về mặt tinh thần để quản lý và xây dựng đất nước. Trong thời điểm đó, Phật giáo là một điểm tựa vững chắc nhất... Phật giáo có uy thế nhờ các nhà sư và Phật tử tham gia vào việc giải phóng giành độc lập cho dân tộc”⁽²⁾.

*. Ban Trị sự Phật giáo tỉnh Ninh Bình.

1. Thích Đồng Bổn (chủ biên), *Lời giới thiệu, Tiểu sử Danh Tăng Việt Nam*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.

2. Thượng tọa Thích Minh Tuệ, *Lược sử Phật giáo Việt Nam*, Thành hội Phật giáo Thành phố Hồ Chí Minh ấn hành, PL.2536, 1993, tr. 138 -139.

Dưới triều đại Đinh - Tiền Lê, Phật giáo thâm dần vào đời sống các tầng lớp nhân dân. Họ tin và tìm thấy ở đạo Phật một niềm an ủi cho đời sống khổ cực của mình sau thời gian sống dưới ách thống trị hà khắc của phong kiến Phương Bắc. “Lúc này, tăng sĩ giữ một vai trò quan trọng. Họ là một lực lượng chính trị và kinh tế vững vàng, nắm độc quyền về văn hóa nghệ thuật. Cùng với việc các vua Đinh - Tiền Lê trọng dụng các thiền sư, trí thức của dân tộc lúc bấy giờ, vào việc cố vấn trị vì đất nước, điều đó khiến cho họ chịu nhiều ảnh hưởng của tư tưởng Phật giáo⁽³⁾...”. Các danh tăng thời Đinh - Tiền Lê không chỉ lo truyền đạo mà còn đóng góp nhiều công sức cho việc giành độc lập tự chủ của dân tộc. Năm 971, Đinh Tiên Hoàng đã quy định các cấp bậc tăng đạo quản lí chùa chiền gần như các cấp bậc văn võ bá quan. “Theo sử liệu Trung Quốc, Tăng Thống và Tăng Lục đều quản lí chùa chiền, Tăng Ni, coi việc bổ sung các chức quan quản lí Phật giáo. Tăng Thống lần đầu tiên do triều đình Bắc Ngụy đặt năm 937, đến đời Đường thì dùng Tăng Lục thay cho Tăng Thống. Tăng Lục được triều đình Hậu Tần (284 - 417) đặt ra để quản lí chùa chiền, Tăng Ni, đến đời Đường thì chức trách mới cụ thể hơn”. Nhưng ở Việt Nam vào thời Đinh đã có cả hai chức quan Tăng Thống và Tăng Lục; vậy Tăng Lục là chức quan quản lí Phật giáo⁽⁴⁾.

Nhà sư Ngô Chân Lưu (933 - 1011), được cử làm Tăng Thống, chức quan đứng đầu Phật giáo, và được ban hiệu Khuông Việt Đại sư. Trương Ma Ni được cử làm Tăng Lục, chức quan dưới Tăng Thống. Pháp sư Đặng Huy Quang được sung chức Sùng Chấn Uy Nghi. Về sau, Tăng Thống và Tăng Lục là các chức tăng quan vẫn được sử dụng làm chức danh trong các triều đại sau này⁽⁵⁾.

Trong sử liệu Trung Quốc ghi rõ, thời nhà Đường, Tăng Thống không được tham chính. Nhưng Tăng Thống Khuông Việt Đại sư thì lại được tham gia việc quân quốc. Đây cũng là lần đầu tiên các danh tăng Việt Nam được định phẩm trật và trọng dụng. Nhiều danh tăng đã trở thành cố vấn cho vua về đường lối đối nội, đối ngoại. Tên hiệu Khuông Việt Đại sư mà Đinh Tiên Hoàng ban cho nhà sư Ngô Chân Lưu có ý nghĩa “giúp nước Việt”⁽⁶⁾. Sử liệu ghi lại “Năm 40 tuổi, danh sư vang khắp từng lâm, vua Đinh Tiên Hoàng mời vào cung hỏi đạo. Sư ứng đối rành rẽ, vua rất mến phục, phong chức Tăng Thống. Năm sau, niên hiệu Thái Bình thứ 2 (971), vua lại phong là Khuông Việt Thái sư. Bao nhiêu việc binh, việc nước, vua đều mời Thiền sư vào hỏi”⁽⁷⁾.

Thời Tiền Lê vẫn tiếp tục trọng dụng các danh tăng. Ngoài Thiền sư Khuông Việt thì Thiền sư Đỗ Pháp Thuận (914 - 990), thuộc dòng Tỳ Ni Đa Lưu Chi, cũng là một cố vấn của vua Lê Hoàn: “Trong buổi đầu, khi nhà Tiền Lê mới dựng nghiệp, Thiền sư có công dựng bàn hoạch định sách lược. Khi thiên hạ thái bình, không nhận chức tước của triều đình phong thưởng, vua Lê Hoàn lại càng thêm kính trọng, thường không gọi tên mà gọi là Đỗ Pháp sư, vua thường ủy thác cho Thiền sư các công việc văn

3. Xem Nguyễn Đại Đồng. *Bồ Đề Tân Thanh - Phật giáo Việt Nam (từ khởi nguyên đến 1981)*, Nxb. Văn học văn hóa Liên Việt, 2012, tr. 80.

4. Xem: Lê Đức Hạnh. *Sự nhập thế của các Thiền sư Đinh - Tiền Lê*, trong *Kỉ yếu Phật giáo thời Đinh - Tiền Lê trong công cuộc dựng nước*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà nội, 2010, tr. 88.

5,6. Nguyễn Tài Thư (chủ biên), *Lịch sử Phật giáo Việt Nam*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1988, tr. 125.

7. Xem: Lê Đức Hạnh. *Sự nhập thế của các Thiền sư Đinh - Tiền Lê*, trong *Kỉ yếu Phật giáo thời Đinh - Tiền Lê trong công cuộc dựng nước*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà nội, 2010, tr. 89.

hàn⁽⁸⁾. Khi lên ngôi, vua Lê Hoàn có hỏi Đỗ Pháp Thuận về vận nước, được Thiền sư ứng tác bài thơ như sau:

答國王國祚之間

國祚如藤絡

南天裏太平

無為居殿閣

處處息刀兵

Phiên âm: Đáp Quốc vương tộ chi vấn

Quốc tộ như đằng lạc

Nam thiên lí thái bình

Vô vi cư điện các

Xứ xứ tức đao binh

Dịch nghĩa: Trả lời nhà vua về vận nước

Vận nước liên hệ với nhau như mây quấn

Ở chốn trời Nam đang trong cảnh thái bình

Nếu triều đình được bậc vô vi ngồi trên điện

Thì khắp mọi nơi sẽ chấm dứt đao binh⁽⁹⁾

Đây là bài thơ Thiền sư trả lời vua Lê Hoàn về vận nước. Khi Lê Hoàn lên ngôi vua, mầm mống nổi loạn vẫn còn, chẳng khác nào dây mây leo quấn, phải áp dụng chính sách ngoại giao khéo léo, ôn hòa thì đất nước mới thái bình, nhân dân an lạc. Chính sách đó là Vô Vi (Phật giáo), đem đạo lí này cai trị từ trong cung đình cho đến ngoài xã hội mới mong dứt tuyệt chiến tranh. Bài thơ trên như một bài sấm, đoán được vận mệnh của quốc gia và dạy vua phép cai trị đất nước.

Năm Thiên Phúc thứ nhất (981), khi quân Tống sang xâm lược nước ta, nhưng trước đó, vua đã biết chuyện này, bèn thỉnh Đại sư Khuông Việt đến cầu đảo, xin thần phù hộ. Quân giặc kinh sợ lui về giữ sông Hữu Ninh (*nhánh sông thuộc*

hạ lưu sông Cà Lồ, ở bên phải sông Cầu). Đến đây, bọn chúng lại thấy sóng gió nổi lên ùn ùn, giao long nhảy tung trên mặt nước, quân giặc sợ hãi tan chạy⁽¹⁰⁾. Năm 987, vua Lê Hoàn đã thỉnh Pháp Thuận, giả làm giang lệnh để tiếp đón sứ giả nhà Tống - Lý Giác. Trong cuộc tiếp đón, Pháp Thuận đóng vai trò là người lái đò trên sông đi vào kinh thành, Lý Giác thấy hai con ngỗng bơi lội trên mặt nước bèn ngâm rằng:

鵝鵝兩鵝鵝，

仰面向天涯。

Phiên âm:

“Nga nga lưỡng nga nga

Ngưỡng diện hướng Thiên nhai”

Dịch nghĩa: Ngỗng kia! Ngỗng một đôi

Nghe cổ nhìn chân trời

Dịch khác: Song song Ngỗng một đôi

Ngửa cổ ngó ven trời.

Thiền sư đang cầm chèo liền ngâm tiếp:

白毛鋪綠水，

紅棹擺青波。

Phiên âm: “Bạch mao phô lục thủy

Hồng trạo bãi thanh ba”

Dịch nghĩa: Nước xanh bày lông trắng

Sóng biếc chân hồng bơi.

Dịch khác: Lông trắng phô dòng biếc

Chân hồng khuá sóng xanh⁽¹¹⁾

8. Xem: Nguyễn Đại Đồng - Bồ Đề Tân Thanh, *Phật giáo Việt Nam (từ khởi nguyên đến 1981)*, Nxb. Văn học văn hóa Liên Việt, 2012, tr. 83.

9. Phước Sơn - Trì Liên, *Thơ Thiền Việt Nam*, Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh, 2002, tr. 26 - 32.

10. Xem: Nguyễn Đại Đồng - Bồ Đề Tân Thanh, *Phật giáo Việt Nam (từ khởi nguyên đến 1981)*, Nxb. Văn học văn hóa Liên Việt, 2012, tr. 83.

11. Phước Sơn - Trì Liên, *Thơ Thiền Việt Nam*, Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh, 2002, tr. 26 - 32.

Đây không phải là bài thơ của Pháp sư Đỗ Thuận, mà chỉ là câu ứng khẩu của hai người. Bài thơ này của Ngài đã khiến cho Lý Giác, sứ giả nhà Tống phải kính phục. Trước khi ra về có làm bài thơ tặng Pháp sư Đỗ Thuận:

Dịch thơ: “Mừng gặp thái bình giúp trị mưu,

Một thân hai lượt xứ Giao Châu
 Đông Đô đôi biệt se lòng khách
 Nam Việt nghìn trùng mỗi mắt nhau
 Ngựa đạp khói mây băng đá hiểm
 Xe bon rừng tuyết vượt dòng sâu
 Ngoài trời còn có trời nên chiếu
 Sóng lặng khe đầm, rọi mảnh mây⁽¹²⁾

Khi Lý Giác trở về Trung Quốc, Vua thỉnh Khuông Việt làm bài từ “Ngọc lang quy” để tiễn biệt

送玉郎歸
 祥光風好錦帆張，
 神僊復帝鄉。
 千重萬里涉滄浪，
 九天歸路長。
 人情慘切對離觴，
 攀戀星星郎。
 願將深意為南強，

Dịch nghĩa: “Trời quang gió thuận
 buồm giương

Thần tiên chốc đã giục đường bông lai
 Mệnh mông muôn dặm bể khơi
 Lối về trông ngóng chí trời xa xa
 Băng khuâng trước chén quan hà
 Nhớ ai lòng những thiết tha nỗi lòng
 Xa ai vì cõi Nam trung
 Rõ ràng gửi lại mặt rồng trước sau⁽¹³⁾

Trong lịch sử ngoại giao nước Việt, bài hát này là “tửu chúc từ” thân thiện đầu tiên. Mà lời chúc này lại là của một nhà sư. Với những lời lẽ tốt đẹp, thể hiện tình cảm thân thiện và gửi gắm lời nhắn nhủ tôn trọng lẫn nhau trong tinh thần Từ bi và Bình đẳng. Nhân sinh và Vũ trụ đã trọn trong một bài ca ngắn này, đó là quan điểm thế gian, đối với lí đạo.

Vũ trụ vạn vật là giả tướng trong tâm, có không - không có nhưng hư không, đó là “Chân như Điện hữu” khi đã nhận chân được bản thể của sự vật. Đưa bản thể của sự vật lên đỉnh cao của nhận thức. Như vậy, có thể thấy, mặc dù không tham chính, nhưng các danh tăng đã tham dự vào bộ máy chính quyền, và vai trò của họ đối với công cuộc giành độc lập, tự chủ cho dân tộc là rất lớn. Các danh tăng còn lập đạo tràng để thuyết pháp truyền bá đạo Phật. Ảnh hưởng của Phật giáo đi sâu vào đời sống nhân dân. Ở vùng đồng bằng và nhiều nơi có cư dân tập trung đông, các danh tăng cho xây nhiều chùa chiền. Để thể hiện lòng biết ơn năng đức và tâm pháp của các danh tăng, dân chúng thời Đinh - Tiền Lê đã thần thánh hóa các thiền sư thành những mẫu hình để thờ phụng, thay dần vị trí các thiên thần cũ của nhân dân⁽¹⁴⁾. Câu chuyện sau đây về Thiền sư Ma Ha được viết trong “Thiền Uyển Tập Anh” đã phản ánh: “Sư vào Ái Châu, đến thăm Sa Đăng. Tục dân ở đây chuộng quỷ thần mà ai cũng thích sát sinh. Sư khuyên dân ăn chay thì mọi người đều nói: “thiên thần của chúng tôi giáng phúc, giáng họa,

12. Phước Sơn - Trì Liên. *Thơ Thiền Việt Nam*, Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh, 2002, tr. 26 - 32.

13. Phước Sơn - Trì Liên. *Thơ Thiền Việt Nam*, Sdd, tr. 33 - 37.

14. Nguyễn Tài Thư (chủ biên). *Lịch sử Phật giáo Việt Nam*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1988, tr. 128.

chúng tôi không dám trái”. Thiên sư nói: “các người hãy bỏ điều ác mà làm điều thiện, nếu có xảy ra tai nạn gì, lão tăng này xin chịu cả”. Một người nói: “Lão tăng có một người bị bệnh hủi đã lâu, thầy thuốc, ông đồng đều bó tay không chữa được. Nếu sư chữa khỏi thì chúng tôi xin theo lời sư dạy”. Sư bèn lấy nước phép phun vào người hủi thì người ấy khỏi bệnh ngay⁽¹⁵⁾.

Câu chuyện này có mục đích đề cao đạo pháp của sư Ma Ha, nhưng nó cũng phản ánh rằng, nhân dân vốn có những thiên thần riêng và họ chỉ tin theo Phật giáo khi tôn giáo này có đủ sức mạnh thay thế các thiên thần đó hoặc tốt hơn, cùng với các thiên thần đó bảo vệ che chở cho họ. Điều đó cho thấy vị trí tiền đề của Phật giáo thời Đinh - Tiền Lê, mở ra niềm tin vào sự phát triển của Phật giáo trong các triều đại tiếp theo, đó là thời Lý - Trần.

Các danh tăng thời Đinh - Tiền Lê còn có những đóng góp trong việc tạo dựng một triều đại hoàng kim trong lịch sử dân tộc với vị trí độc tôn Phật giáo, tạo nên những trang sử vẻ vang cho lịch sử Phật giáo và lịch sử dân tộc. Điều này được thể hiện qua vai trò quan trọng của Quốc sư Vạn Hạnh khi phò Lý Công Uẩn lên làm vua, lập nên một triều đại mới. Sử liệu chép rằng: Là một danh tăng thông hiểu Tam giáo (Nho, Phật, Đạo), Thiên sư Vạn Hạnh được vua Lê Hoàn kính nể tài năng và cho mời vào triều tham gia nhiếp chính, cố vấn thao lược, chính trị, quân sự, đối nội, đối ngoại. Ông đã có nhiều kế sách cố vấn giúp vua Lê Hoàn dựng nước và chống giặc ngoại xâm. Điều đó thể hiện, tuy theo đạo Phật, song ông vẫn quan tâm đến những biến cố chính trị, xã hội đương thời. Khi vua Lê Hoàn mất, Vạn Hạnh phò tá Lê Long Đĩnh. Nhưng thấy vua Lê Long Đĩnh

hoang dã, tàn bạo, nên khi vị vua này mất vào năm 1009, ông cùng với Thái sư Á vương Đào Cam Mộc có công lớn trong việc quyết định vận mệnh dân tộc, mở ra một thời đại huy hoàng, một triều đại mới thay thế cho triều Tiền Lê, đó là việc đưa Lý Công Uẩn lên ngôi vua.

Như vậy, với sự đóng góp vô cùng to lớn của các danh tăng, Phật giáo thời Đinh - Tiền Lê có sức tỏa rộng về mặt không gian, cũng như thâm nhập vào đời sống tinh thần của nhân dân, bước đầu chiếm được một vị trí vững chắc trong xã hội. Tất nhiên, sự thịnh trị của nó chỉ có được trong hai triều đại Lý - Trần tiếp theo⁽¹⁶⁾. Dưới sự hoạt động tích cực và hiệu quả của các danh tăng Phật giáo triều Đinh, Tiền Lê, nhiều trung tâm Phật giáo được củng cố, phát triển, và lan rộng khắp nơi. Ngoài những trung tâm Phật giáo có từ đầu Công nguyên như Luy Lâu (Thuận Thành, Bắc Ninh), nhiều chùa được xây, tạo thành những trung tâm sinh hoạt Phật giáo sâu rộng trong nhân gian như: trung tâm Đại La - Thăng Long; trung tâm Hoa Lư.

Tóm lại, dưới công sức và tài tiên đoán của các danh tăng, tín đồ Phật tử, Phật giáo thời Đinh - Tiền Lê cho thấy những bước phát triển vượt bậc, đóng góp to lớn trong công cuộc giành độc lập, tự chủ cho dân tộc. Danh tăng Việt Nam thời Đinh - Tiền Lê là những trí thức lỗi lạc, uyên thâm Kinh sách, tổ tường việc đời, tham gia cố vấn chính trị, quân sự, đối nội, đối ngoại góp phần quan trọng trong việc củng cố và bảo vệ những thành quả đã đạt được của dân tộc Việt Nam./.

15. Nguyễn Tài Thư (chủ biên). *Lịch sử Phật giáo Việt Nam*, Sdd, tr. 128.

16. Nguyễn Tài Thư (chủ biên). *Lịch sử Phật giáo Việt Nam*, Sdd, tr.129.